

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NEWWAY

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 229 /NWT

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hà Nội

Công ty : Công ty cổ phần vận tải Newway

Trụ sở chính : Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : 0243.5654898 Fax: 0243.5651997

Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần vận tải Newway

Mã chứng khoán : NWT

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng/ cổ phần

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Đức Học

Địa chỉ: Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cố định: 0243.5654989 Điện thoại di động: 0904245037 Fax: 0243.5651997

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Vận tải Newway công bố **Biên bản họp, Nghị Quyết & Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần vận tải Newway**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/05/2021 tại mục cổ đông của đường dẫn: <https://newwayjsc.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Đại diện pháp luật/Người CBTT

*** Tài liệu đính kèm:**

- BB họp ĐHĐCĐ
- NQ ĐHĐCĐ
- Tài liệu ĐHĐCĐ



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Học

**BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

- Thời gian họp: Bắt đầu lúc 8 giờ 00 phút ngày 06/05/2021
Kết thúc hồi 11 giờ 00 phút ngày 06/05/2021
- Địa điểm họp: Hội trường Công ty CP vận tải Newway, Khu Kim Ngưu II, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Chương trình và nội dung đại hội: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Vận tải Newway (chi tiết được đính kèm Biên bản này)
- Chủ tọa đại hội: Ông *Ngô Xuân Phú*.
- Thư ký đại hội: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**
- Số cổ đông tham dự: 30 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 8.471.400 cổ phần bằng 99.66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI (theo trình tự thời gian):

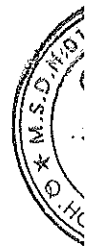
I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

- Ban Tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự đại hội.
- Ông Trịnh Quyết Thắng – Thay mặt Ban tổ chức làm lễ chào cờ, tuyên bố khai mạc Đại hội
- Bà Lê Thanh Vi – Thay mặt Ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra và công bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành.
- Ông: Thạch Quốc Bảo - Đại diện Ban tổ chức thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội

Đại hội thông qua quy chế làm việc của Đại hội.

- Ông: Thạch Quốc Bảo giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội và đề cử giới thiệu đoàn chủ tịch gồm:
 - + Ông *Ngô Xuân Phú*
 - + Ông *Phạm Đức Học*
 - + Ông *Nguyễn Mạnh Cường*

ĐHĐCĐ đã nhất trí bầu những người có tên trên vào Đoàn chủ tịch của Đại hội.



- Ông *Ngô Xuân Phú* – Chủ tọa đại hội đề cử thư ký Đại hội là bà Nguyễn Thị Thanh Hương.
- Ông *Ngô Xuân Phú* – Chủ tọa đại hội đề cử các thành viên của Ban Kiểm phiếu phục vụ cho Đại hội gồm:
 - + Ông Trịnh Quyết Thắng – Trưởng ban
 - + Ông Phạm Quang Vĩnh – Thành viên
 - + Bà Đỗ Phương Anh – Thành viên

ĐHĐCĐ đã nhất trí bầu những người có tên trên vào Ban Kiểm phiếu của Đại hội.

- Ông *Phạm Đức Học* trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung chương trình họp.
- Đại hội biểu quyết thông qua nội dung, chương trình làm việc của Đại hội.
- Kết thúc thủ tục khai mạc hội nghị, ĐHĐCĐ bắt đầu chương trình và nội dung đại hội như được đính kèm theo Biên bản này.

II. CÁC NỘI DUNG THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI:

Thành viên Hội đồng Quản trị trình bày các nội dung cần xin ý kiến của Đại hội, cụ thể các nội dung đệ trình Đại hội thông qua như sau:

1. Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2020, kế hoạch năm 2021

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

2. Nội dung 2: Thông qua Báo cáo Ban Giám đốc về kết quả HĐSXKD năm 2020;

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

3. Nội dung 3: Thông qua Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2020;

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

4. Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 đã được kiểm toán và KH SXKD năm 2021.

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

5. Nội dung 5: Thông qua việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

6. Nội dung 6: Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

7. Nội dung 7: Tờ trình thông qua đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

8. Nội dung 8 : Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

9. Nội dung 9 : Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

10. Nội dung 10 : Tờ trình thông qua việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

11. Nội dung 11: Tờ trình thông qua việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

12. Nội dung 12 : Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty.

Tán thành	8.471.200	cổ phần, chiếm	99.99764	% số cổ phần biểu quyết
Không tán thành		cổ phần, chiếm		% số cổ phần biểu quyết
Ý kiến khác	200	cổ phần, chiếm	0.00236	% số cổ phần biểu quyết

III. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NHIỆM KỲ II NĂM 2020 - 2025:

A. Thông qua Quy chế bầu cử :

1. Ông Trịnh Quyết Thắng – Trưởng ban Kiểm phiếu đã lên đọc Quy chế Bầu cử.
2. Đoàn Chủ tịch thông qua Quy chế Bầu cử HĐQT và BKS.

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý	8.471.400	cổ phần, chiếm	99.66	% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Không đồng ý		cổ phần, chiếm		% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Ý kiến khác		cổ phần, chiếm		% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

B. Thông qua danh sách đề cử và tự đề cử bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025:

1. Danh sách đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT, gồm 01 ứng viên

1. Ông Nguyễn Thủy (SYLL gửi kèm)

- Kết quả biểu quyết:

Đồng ý	8.471.400	cổ phần, chiếm	99.66	% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Không đồng ý		cổ phần, chiếm		% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Ý kiến khác		cổ phần, chiếm		% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

2. Danh sách đề cử bầu bổ sung thành viên BKS, gồm 1 ứng viên

1. Ông Nguyễn Duy Cường (SYLL gửi kèm)

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý	8.471.400	cổ phần, chiếm	99.66	% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Không đồng ý		cổ phần, chiếm		% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Ý kiến khác		cổ phần, chiếm		% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

C. Thực hiện bầu cử và kết quả bầu cử :

1. Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu bầu cử các thành viên HĐQT và BKS.
2. Đại hội nghỉ giải lao và Ban Kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu bầu.
3. Ông **Trịnh Quyết Thắng** – Trưởng ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Kết quả bầu cử bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025

+ Số phiếu hợp lệ 29 Phiếu, tương đương với 8.471.200 cổ phần, tương ứng với 99.99764% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

+ Số phiếu không hợp lệ: 01 Phiếu, tương đương với 200 cổ phần, tương ứng với 0.00236% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

Ông/Bà: Nguyễn Thủy

Đồng ý: 29 Phiếu, tương đương với 8.471.200 phiếu bầu, chiếm tỉ lệ 99.99764% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

2. Kết quả bầu cử bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025

+ Số phiếu hợp lệ 29 Phiếu, tương đương với 8.471.200 cổ phần, tương ứng với 99.99764% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

+ Số phiếu không hợp lệ: 01 Phiếu, tương đương với 200 cổ phần, tương ứng với 0.00236% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

Ông/Bà: Nguyễn Duy Cường


Đồng ý: 29 Phiếu, tương đương với 8.471.200 phiếu bầu, chiếm tỉ lệ 99.99764% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

IV. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký đại hội trình bày Biên bản Đại hội để Đại hội thông qua.
2. Ông Ngô Xuân Phú trình bày Dự thảo Nghị quyết đại hội để Đại hội thông qua.
3. Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết đại hội và Biên bản Đại hội ngay tại đại hội.
4. Chủ tọa Ông Ngô Xuân Phú tuyên bố bế mạc đại hội.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Xuân Phú

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Thị Thanh Hương

Số: 228/NQ-NWT

Hà nội, ngày 06 tháng 05 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải Newway;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Vận tải Newway ngày 06 tháng 05 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo và chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 gồm:

1.1 Thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội kiểm toán, kết quả kinh doanh như sau:

Doanh thu : 112.992 triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế : 1.259,9 triệu đồng

Điều 2. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2020.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2020
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Đồng	1,259,856,611
2. Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối	Đồng	3,282,267,032
3. Lợi nhuận được phép phân phối năm 2020	Đồng	4,542,123,643
4. Phân phối lợi nhuận, trong đó	Đồng	2,251,000,000
4.1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN sau thuế 2020)	Đồng	126,000,000
4.2 Quỹ thưởng ban Quản lý điều hành Công ty (0% LN Sau thuế)	Đồng	
4.3 Cổ tức chi trả cổ đông năm 2020	Đồng	2,125,000,000



5. Đề nghị chia cổ tức	%	2.5%
6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	2,291,123,643

Điều 3: Thông qua Tờ trình chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021.

Tổng Quỹ thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2020: 168.000.000đ

Tổng Quỹ thù lao HĐQT, BKS kế hoạch năm 2021: 168.000.000đ

Điều 4: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh tạm giao năm 2021

- Doanh thu và thu nhập khác : 142.176 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.653 triệu đồng

Trước diễn biến phức tạp khó lường của dịch bệnh covid 19 tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Đại Hội đồng Cổ đông giao Hội Đồng Quản trị quyết định phương án điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5. Thông qua Tờ trình đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 6. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

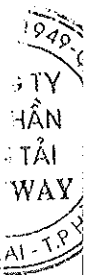
- Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025:
+ Ông: Nguyễn Thủy
- Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025:
+ Ông: Nguyễn Duy Cương

Điều 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần vận tải Newway theo tờ trình số: 206/TTr-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2021

Điều 8: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần vận tải Newway theo tờ trình số: 207/TTr-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2021

Điều 9: Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải Newway theo tờ trình số: 208/TTr-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2021

Điều 10: Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần vận tải Newway theo tờ trình số: 209/TTr-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2021



Điều 11. Nghị Quyết đã được 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội biểu quyết thống nhất thông qua.

Điều 12. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm sao gửi Nghị quyết đến toàn thể cổ đông, cơ quan có thẩm quyền theo quy định và công bố trên website Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 giao cho Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị Quyết này. Giao Ban kiểm soát tăng cường kiểm tra và giám sát thực hiện Nghị Quyết của Đại hội.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (Website: newwayjsc.com.vn)
- UBCKNN, SGDCK HN, VSD, HNX: báo cáo và cbtt
- Lưu tk, HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thủy



Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
NEWWAY NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ Công ty CP vận tải Newway đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/5/2015; Điều lệ sửa đổi và bổ sung theo nghị định số 71/2017/NĐ-CP Ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP vận tải Newway ngày 19/4/2018.

Hội đồng quản trị Công ty CP vận tải Newway xin trình tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua bản báo cáo của Hội đồng Quản trị (HDQT) về việc đánh giá hoạt động quản lý kinh doanh ở Công ty trong năm 2020, kế hoạch 2021, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TY TRONG NĂM 2020

1. Tình hình kinh tế và Thị trường trong năm 2020:

Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn, dịch bệnh covid 19 bùng phát đúng vào thời điểm mùa lễ hội đầu năm và nghỉ mát hè đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty, đặc biệt là mảng vận tải du lịch. Một loạt các biện pháp phòng chống dịch để bảo vệ an toàn xã hội như giãn cách, hạn chế tiếp xúc gần, cho học sinh nghỉ học ... đã làm kế hoạch phục vụ du xuân lễ hội, nghỉ mát hè của Công ty gần như không thực hiện được.

Tuy nhiên, các hoạt động sự kiện du lịch, Newway vẫn được Trung ương và Thành Phố Hà Nội tin nhiệm lựa chọn phục vụ các hội nghị, sự kiện quan trọng của thành phố như: Trong năm, Newway thực hiện thành công Đưa đón đại biểu Đại hội Đảng Toàn Quốc lần thứ 13, đại hội Đảng Thành phố Hà nội lần thứ 17 và các kỳ họp Quốc hội 10, 11 trong năm 2021.

Các tuyến buýt 47, 48, 94 của Công ty đã chuyển sang hình thức đấu thầu. Tuyến buýt 48 kéo dài lộ trình, tăng tần suất dịch vụ là yếu tố nâng cao hiệu quả khai thác hoạt động buýt cho Công ty trong năm 2021. Trong năm, công ty đã tham gia đấu thầu tuyến buýt 69 với Sở ban ngành, đầu tư mua mới 9 phương tiện buýt B30 mới và đưa vào hoạt động chính thức 1/1/2021.

2. Kết quả thực hiện các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông:

2.1 Kết quả kinh doanh năm 2020 – Số liệu được trích từ BCTC đã được kiểm toán độc lập:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành KH	Tỷ lệ TH 2020/2019
1	Doanh thu và thu nhập khác	112,043	112,992	101%	77%



2	Lợi nhuận trước thuế	21	1,481	7109%	37%
---	----------------------	----	-------	-------	-----

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020:

Trong năm 2020, ban lãnh đạo điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, từng bước vượt qua khó khăn và đã triển khai thực hiện đầy đủ cơ bản các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 cụ thể:

- Năm 2020 Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, Lợi nhuận sau thuế đạt 1,259.9 tỷ so kế hoạch điều chỉnh 16.6trđ và đạt 40% so với lợi nhuận 2019 (3.166 tỷ).

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 89 tỷ 542tr, tăng so với số đầu năm là 942 tr đ. Vốn nhà nước trong năm được bảo toàn và phát triển.

- Hiệu quả sử dụng vốn: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 1.4%, tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) 0.7%, cho thấy công ty sử dụng vốn có hiệu quả.

- Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư mua sắm mới 09 xe buýt nhỏ B30 phục vụ mở mới tuyến buýt 69 Bắc Cỏ - Dương Quang hoạt động 1/1/2021 và tiến hành thanh lý trong quý IV/2020 32 xe ô tô cũ kém.

- Tâm lý người lao động ổn định, thu nhập của người lao động bình quân đạt 7,655 triệu đồng/người/tháng. Làm tốt công tác chăm lo đầy đủ cho CBCNV về các quyền lợi như: bảo hiểm XH, Y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kiểm tra sức khỏe định kỳ

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT luôn theo dõi, chỉ đạo hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Giám đốc.

- Đứng trước những thách thức khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh, Ban giám đốc đã và đang triển khai thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành sản xuất, kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT. Tổ chức triển khai hoạt động SXKD phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;

- Giám đốc đã có phân công theo mảng công việc cụ thể cho các phó Giám đốc để chủ động trong công tác điều hành.

- Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động.

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên các năm 2020.

- Giám sát chỉ đạo và đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán và UBCK Nhà nước.

- Hoạt động của Ban kiểm soát đã giúp Công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và

T.Đ.
T.Đ.
T.Đ.
T.Đ.
T.Đ.

báo cáo tài chính theo quy định.

- Trong công tác tổ chức, Quản trị: Đã thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy theo mô hình chung của Tổng công ty, sát nhập 2 phòng, giảm số lượng phòng ban từ 7 phòng ban xuống còn 5 phòng ban, tiến hành rà soát định ngạch về BDSC, VTPT, ban hành Quy chế lương thợ SC theo sản phẩm vvv. Công ty đã chỉ đạo thực hiện đúng kế hoạch và quản trị chi phí trên toàn bộ các nội dung. Tăng cường công tác quản trị chi phí bằng việc rà soát lại toàn bộ định mức kinh tế kỹ thuật...

Trong năm, Ban giám đốc dưới sự chỉ đạo và Giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong điều kiện sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

1. Về nhân sự: Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên gồm:

- Ông Ngô Xuân Phú: Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Đức Học: Thành viên HĐQT; Giám đốc điều hành
- Ông Nguyễn Mạnh Cường: Thành viên HĐQT
- Bà Lê Quỳnh Trang: Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Thu Hà: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Trong 05 thành viên HĐQT có 02 thành viên kiêm nhiệm chức danh quản lý của Công ty và 03 thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên HĐQT đều được phân công, phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

2. Các hoạt động chính của HĐQT năm 2020

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã hoạt động theo nguyên tắc tập thể, thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban công tác hoạt động SXKD của đơn vị. Các cuộc họp chủ yếu tập trung vào nhiệm vụ định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, điều hành và quản trị Công ty, công tác đầu tư phương tiện.... Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban kiểm soát và Ban giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh.

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định HĐQT chủ yếu liên quan đến:

- + Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự;
- + Cơ chế chính sách cho người lao động: lương thưởng, BHXH
- + Đầu tư, thanh lý đoàn phương tiện;
- + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm

Các thành viên HĐQT đã đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt nghĩa vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ, cụ thể:

Các nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2020:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	118/NQ-NWT	23/03/2020	Thông qua chủ trương vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN-CNHN	100%
2	199/NQ-HDQT	7/5/2020	V/v Triệu tập họp ĐH cổ đông thường niên 2020	100%
3	255/NQ-NWT	18/06/2020	Bầu chủ tịch HĐQT	100%
4	386/NQ-NWWT	01/09/2020	Mua sắm 09 xe Buýt nhỏ	100%
5	388/NQ-NWT	05/09/2020	Nhượng bán xe	100%
6	505/NQ-NWT	25/11/2020	Vay vốn ở Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	100%
7	554/NQ-NWT	25/12/2020	Thông qua giới hạn tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Hà Nội	100%

3 Thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị:

Thực hiện theo nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao với HĐQT và BKS trong năm 2020:

Thực hiện chi tiền thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2020: Tổng chi phí là 126tr/năm.

Thực hiện chi tiền thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 Tổng chi phí là 42tr/năm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

Năm 2021, Hội đồng Quản trị sẽ từng bước hoàn thiện các Quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên trong Hội đồng Quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác Quản trị và tối đa lợi ích của các cổ đông.

Hội đồng Quản trị cam kết hoạt động trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các Cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo quyết định của Đại hội cổ đông, Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và các năm trước cũng như ảnh hưởng của tình hình kinh tế hiện nay, HĐQT đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 từ đầu năm, cụ thể như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

DVT: Trđ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Doanh thu và thu nhập khác	142,176
2	Lợi nhuận trước thuế	2,653
3	Lợi nhuận sau thuế	2,122

4	Hiệu quả	30,145
5	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	1.49%
6	Vốn điều lệ.	85,000
7	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	2.49%
8	Tỷ lệ cổ tức	Do ĐHĐCĐ 2021 quyết định

Căn cứ xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là doanh thu trên cơ sở dự báo dịch bệnh covid 19 không tái bùng phát trong 2021, hoạt động kinh doanh dần được hồi phục và phát triển. Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 đến nay, đại dịch Covid -19 đã bùng phát trở lại vào đúng dịp Tết Nguyên Đán đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD, đặc biệt là mảng kinh doanh hợp đồng và lữ hành. Doanh thu toàn Công ty Quý 1/2021 ước thực hiện 28 tỷ/35 tỷ bằng 70% kế hoạch, trong đó doanh thu vận tải hợp đồng chỉ đạt 65% KH tương ứng gần 11 tỷ, Tour đạt 12% KH và buýt đạt 94% KH.

- Về công tác đầu tư phương tiện 2021:

+ Đối với vận tải hợp đồng: Việc không đầu tư đổi mới phương tiện năm 2020 mặt tích cực là đảm bảo an toàn hiệu quả đầu tư khi thị trường bị ảnh hưởng dịch bệnh. Tuy nhiên mặt hạn chế là ảnh hưởng đến lộ trình tái cơ cấu đoàn phương tiện cũng như năng lực giữ hợp đồng khách hàng. Trong kế hoạch năm 2021 Công ty dự kiến đầu tư đổi mới một số phương tiện nhằm tăng sức cạnh tranh, giảm tuổi thọ đoàn phương tiện, tuy nhiên chỉ thực hiện đầu tư trong điều kiện thị trường hồi phục (dự kiến 05 xe 29 chỗ và 05 xe 45 chỗ).

+ Đối với hoạt động buýt: Công ty tiếp tục phát triển thêm các tuyến buýt mới theo chủ trương phát triển chung của UBND thành phố Hà Nội (dự kiến đầu tư phương tiện mới phục vụ phát triển mới cho 01 tuyến minibus và 01 tuyến buýt nhỏ đưa vào khai thác trong năm 2021).

Như vậy với ảnh hưởng dịch bệnh covid 19 tái bùng phát ngay từ đầu năm dẫn đến kết quả kinh doanh quý 1/2021 của Công ty đạt rất thấp sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch cả năm 2021. Nhận định dịch bệnh còn diễn biến phức tạp Công ty rất khó có khả năng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên. Để kế hoạch SXKD sát với tình hình thực tiễn và diễn biến dịch bệnh đề nghị Đại Hội đồng Cổ đông:

+ Giao Hội Đồng Quản trị Quyết định phương án điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 theo thực tế phát sinh trên cơ sở đảm bảo tiết kiệm chi phí, ổn định đời sống CBCNV, hạn chế nhất rủi ro và đảm bảo tối thiểu hiệu quả sản xuất.

+ Giao Hội đồng quản trị Quyết định các dự án đầu tư phương tiện phục vụ vận tải hợp đồng, vận tải buýt và đầu tư phát triển sản xuất theo Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần vận tải Newway trong năm 2020 và kế hoạch 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Phú

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020
MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

I. Những thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi:

– Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Tổng công ty vận tải Hà Nội, Hội đồng quản trị, trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh. Công tác đảm bảo ANTT, ATGT được đảm bảo, đời sống và thu nhập của CBCNV ngày được cải thiện, nội bộ đoàn kết.

2. Những khó khăn chủ yếu

– Về hoạt động vận tải hợp đồng, Tour du lịch:

+ Năm 2020 bệnh dịch covid 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của đơn vị, đặc biệt là mảng VTDL và Tour du lịch. Việc tuân thủ các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, của TP Hà Nội về công tác phòng chống dịch bệnh, lệnh hạn chế nhập cảnh đi lại của các nước, tâm lý lo ngại về dịch bệnh của khách hàng dẫn tới sản lượng VTDL, Tour du lịch giảm sâu so với cùng kỳ 2019, nhiều doanh nghiệp là đối tác Công ty giảm quy mô sản xuất, không tổ chức cho CBCNV đi nghỉ gây ảnh hưởng đến doanh thu Công ty.

+ Một số lượng xe lớn đang phục vụ outbound cũng chuyển sang cạnh tranh mảng thị trường đưa đón (đưa đón CBCNV & học sinh) dẫn tới việc cạnh tranh gay gắt về giá cước, đời xe. Một số hợp đồng lớn về thuê bao đưa đón công ty đã không duy trì được: Trường Hàn Quốc tại Hà Nội, Samsung, Cannon,.. Nguyên nhân chủ yếu từ việc công ty không đáp ứng đủ quy mô phương tiện mới so với yêu cầu của hợp đồng (*Trường Hàn Quốc yêu cầu trên 70 xe, đời xe từ 2015 trở lên*) hay việc cắt giảm và thu hẹp quy mô sản xuất (*cannon, samsung*).

+ Phát sinh thêm nhiều chi phí: Ngoài những chi phí cố định, công ty phải gánh thêm nhiều loại như chi phí cho công tác phòng chống dịch, chi phí hỗ trợ thu nhập cho CNLX và bán vé do công việc bị ngừng hoặc hoạt động cầm chừng của các đối tác. Chi phí thuê bãi đỗ, tăng cường bảo vệ để bảo vệ tài sản trong gian giãn cách xã hội,...

+ Giảm giá cước cho các đối tác sử dụng thuê bao để chia sẻ khó khăn và cũng nhau vượt qua dịch bệnh.

– Hoạt động buýt:



+ Từ khi có xe buýt hoạt động chưa bao giờ khó khăn như năm 2020, từ 29/03 – 27/04/2020 toàn bộ xe buýt dừng hoạt động, trong đó có xe buýt Newway để phòng chống dịch bệnh covid-19. Sản lượng xe buýt tụt giảm sâu so với cùng kỳ 2019. Nguyên nhân chủ yếu do tâm lý lo hạn chế đi lại, chính sách miễn giảm cho người cao tuổi của Thành phố. Về phương tiện, tuyến buýt 47A-B có 16 xe Thaco TB94 đang trong thời kỳ phải sử chữa lớn.

+ Thái độ phục vụ của CNLX, NVBV đã được cải thiện đáng kể nhưng chưa đồng đều, vẫn còn bộ phận nhỏ CNLX, NVBV có thái độ, hành vi chưa đúng mực. Bán vé vẫn còn vi phạm về doanh thu, ...

II. Kết quả đạt được trong năm 2020.

Với tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng vượt qua đại dịch, bằng nhiều các giải pháp về thị trường, tiết giảm chi phí .vv. Công ty đã cố gắng để kết quả SXKD trong năm 2020 không lỗ, hoàn thành chỉ tiêu hiệu quả đề ra, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm năm 2020/2019
1	Tổng tài sản	175.880	169.057	96%
2	Vốn chủ sở hữu	88.599	89.542	101%
3	Doanh thu và thu nhập khác	145.780	112.990	77.5%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.922	-1.800	
5	Lợi nhuận trước thuế	4.008	1.480	37%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.166	1.260	40%

– Doanh thu và thu nhập khác thực hiện đạt 100.8% so kế hoạch điều chỉnh năm 2020 và giảm 22.5% so thực hiện năm 2019 tương ứng giảm 32,788.5 tỷ (145.780 tỷ).

– Lợi nhuận sau thuế đạt 1,259.9 tỷ so kế hoạch điều chỉnh 16.6trđ và đạt 40% so với lợi nhuận 2019 (3.166 tỷ).

– Hiệu quả thực hiện năm 2020 là 31.6 tỷ tương ứng đạt 137.5% (22.98 tỷ) so với kế hoạch điều chỉnh 2020, đạt 84% so với thực hiện 2019 (37.8 tỷ) giảm 6.2 tỷ.

– Vốn nhà nước trong kỳ được bảo toàn.

– Công ty luôn cố gắng đảm bảo thu nhập cho CBCNV trong điều kiện hoạt động kinh doanh tụt giảm sâu và âm, làm tốt công tác chống dịch bệnh. Thực hiện hiệu quả công tác quản trị, tiết kiệm chi phí...

III. Mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021

1. Triển vọng phát triển của ngành

– Năm 2021 hoạt động vận tải du lịch & Tour du lịch được dự báo là rất khó khăn về thị trường do tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và tại Việt Nam còn diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD chung của Công ty.

– Đoàn phương tiện xe kinh doanh của Công ty vẫn trong chu kỳ tuổi đời bình quân cao. Việc đổi mới phương tiện theo lộ trình 2017-2022 rất khó đảm bảo tiến độ do trong năm 2020 không đầu tư được xe mới nào, dự kiến năm 2021 thị trường tiếp tục khó khăn nên việc đầu tư khó có khả thi.

– Các hợp đồng thuê bao, hợp đồng sự kiện, hợp đồng chuyên chở công nhân về quê ăn tết từ TP Hồ Chí Minh ra Hà Nội khách hàng đều yêu cầu đầu thầu rộng rãi một năm một lần. Các xe công ty tư nhân & liên doanh với số lượng xe lớn, đời xe cao đang phục vụ thị trường Inbound & outbound không có việc do khách quốc tế không vào được Việt Nam đã bắt đầu chuyển hướng sang phục vụ nội địa và tìm kiếm các hợp đồng thuê bao chuyên chở công nhân. Việc này ảnh hưởng rất lớn đến việc giữ thị phần, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và đổi mới phương tiện của công ty.

– Việc bùng phát Covid -19 lần thứ 3 tại Việt Nam vào ngày 27/01/2021 (đúng ngày Tết Nguyên Đán Tân Sửu năm 2021) tiếp tục là cú đánh mạnh vào hoạt động SXKD của Công ty. Doanh thu toàn Công ty trong Quý 1/2021 ước thực hiện là 28 tỷ/35 tỷ bằng 70% kế hoạch đầu năm, trong đó doanh thu vận tải hợp đồng chỉ đạt 65% KH tương ứng gần 11 tỷ, Tour đạt 12% KH và buýt đạt 94% KH.

– Đối với hoạt động buýt: Hiệu quả sẽ giảm nhiều do cả 3 tuyến 47, 48, 94 của Công ty đã chuyển sang hình thức đấu thầu, doanh thu cao so với thực tế làm giảm hiệu quả kinh doanh.

2. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2021

Trên cơ sở những khó khăn và thuận lợi, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch kinh doanh 2021 theo một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu sau.

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2021	TH năm 2020	Tỷ lệ % so với năm 2020
1	Doanh thu và thu nhập khác	142,176	145,780	97.5%
2	Lợi nhuận trước thuế	2,653	1,480	178%
3	Lợi nhuận sau thuế	2,122	1,260	168%
4	Hiệu quả	30,145	31,632	95%
5	Thu nhập BQ/người	7.691	7.655	
6	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	1.49%	1.15%	
7	Vốn điều lệ.	85,000	85,000	
8	Tỷ suất Lợi nhuận sau	2.49%	1.48%	

	thuế/Vốn điều lệ			
9	Tỷ lệ cổ tức	Do ĐHCĐ 2021 QĐ	Không chi	

Kế hoạch SXKD trên của Công ty CP vận tải Newway đã được TCT thông qua và giao kế hoạch năm 2021. Các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là doanh thu trên cơ sở dự báo dịch bệnh covid 19 không tái bùng phát trong 2021, hoạt động kinh doanh dần được hồi phục và phát triển.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 đến nay, đại dịch Covid -19 đã bùng phát trở lại vào đúng dịp Tết Nguyên Đán đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD, đặc biệt là mảng kinh doanh hợp đồng và lữ hành. Doanh thu toàn Công ty Quý 1/2021 ước thực hiện 28 tỷ/35 tỷ bằng 70% kế hoạch, trong đó doanh thu vận tải hợp đồng chỉ đạt 65% KH tương ứng gần 11 tỷ, Tour đạt 12% KH và buýt đạt 94% KH.

- Về công tác đầu tư phương tiện 2021:

+ Đối với vận tải hợp đồng: Việc không đầu tư đổi mới phương tiện năm 2020 mặt tích cực là đảm bảo an toàn hiệu quả đầu tư khi thị trường bị ảnh hưởng dịch bệnh. Tuy nhiên mặt hạn chế là ảnh hưởng đến lộ trình tái cơ cấu đoàn phương tiện cũng như năng lực giữ hợp đồng khách hàng. Trong kế hoạch năm 2021 Công ty dự kiến đầu tư đổi mới một số phương tiện nhằm tăng sức cạnh tranh, giảm tuổi thọ đoàn phương tiện, tuy nhiên chỉ thực hiện đầu tư trong điều kiện thị trường hồi phục (dự kiến 05 xe 29 chỗ và 05 xe 45 chỗ).

+ Đối với hoạt động buýt: Công ty tiếp tục phát triển thêm các tuyến buýt mới theo chủ trương phát triển chung của UBND thành phố Hà Nội (dự kiến đầu tư phương tiện mới phục vụ phát triển mới cho 01 tuyến minibus và 01 tuyến buýt nhỏ đưa vào khai thác trong năm 2021).

Như vậy với ảnh hưởng dịch bệnh covid 19 tái bùng phát ngay từ đầu năm dẫn đến kết quả kinh doanh quý 1/2021 của Công ty đạt rất thấp sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch cả năm 2021. Nhận định dịch bệnh còn diễn biến phức tạp Công ty rất khó có khả năng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên. Ban giám đốc đề nghị Đại Hội đồng Cổ đông xem xét giao HĐQT quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch và phương án SXKD sát với diễn biến dịch bệnh và tình hình SXKD của Công ty.

3. Một số biện pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2021

3.1 Nhóm giải pháp về kinh doanh thị trường:

- Tiếp tục giữ vững và phát triển các hợp đồng sự kiện, đặc biệt là các hợp đồng sự kiện về kinh tế, về chính trị lớn diễn ra tại Hà Nội như: Đại hội Đảng các cấp, các kỳ họp Quốc hội,...

- Đẩy mạnh khai thác hợp đồng thuê bao để bù đắp thị phần thuê bao đã mất

2020, khai thác hợp đồng có thể ken ghép giữa giờ và cuối giờ.

– Kien toàn lai bộ máy phòng Kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp hóa bộ phận Marketing- chăm sóc khách hàng. Tăng cường công tác quản trị, quảng bá sản phẩm về vận tải du lịch, về sản phẩm tour, quảng bá hình ảnh thương hiệu Công ty.

– Tiếp tục giữ vững ổn định về mọi mặt, duy trì phát triển thị phần, đảm bảo đời sống, việc làm cho đội ngũ CBCNV toàn Công ty.

3.2 Nhóm giải pháp về điều hành sản xuất:

– Tăng cường công tác quản lý điều hành hoạt động buýt đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu về chuyên lượt, khách vé lượt theo các chỉ tiêu đặt hàng.

– Tăng cường công tác điều hành, tập chung kiểm soát chống thất thoát doanh thu, chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ khách hàng.

3.3 Nhóm giải pháp về kỹ thuật phương tiện:

– Thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về quản lý kỹ thuật, về BDSC,... tăng cường kiểm tra định kỳ và đột xuất xe hoạt động trên tuyến để kịp thời phát hiện những hỏng hóc, ảnh hưởng đến thương hiệu của Công ty

– Đầu tư bổ sung trang thiết bị phục công tác BDSC, công tác vệ sinh phương tiện đảm bảo xe sạch sẽ khi ra tuyến hoạt động, khi phục vụ hợp đồng.

– Thực hiện tốt quy trình quản lý, giao nhận phương tiện hàng ngày đảm bảo chất lượng và kỹ thuật phương tiện tốt nhất đáp ứng yêu cầu SXKD.

– Giám sát quá trình BDSC, kiểm soát tình trạng kỹ thuật phương tiện trước và sau khi hoạt động đảm bảo hạn chế tối đa hư hỏng đột suất trong phục vụ.

– Gắn trách nhiệm của CN lái xe vào chất lượng phương tiện, trách nhiệm vào của tổ thợ, Gara vào chất lượng BDSC, đánh giá tiêu chí phản tu.

3.4 Nhóm giải pháp về quản lý:

– Tăng cường công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ quản lý và người lao động.

– Xây dựng chính sách thu nhập theo hiệu quả công việc, xây dựng chính sách tuyển dụng, thu hút nhân lực có chất lượng cao.

– Tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt là tiền lương.

– Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý điều hành đảm bảo đáp ứng được yêu cầu quản lý.

– Tăng cường công tác quản lý chi phí, tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh.

– Tuyên truyền vận động nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông. Xử lý kỷ luật nghiêm những trường hợp vi phạm và khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có thành tích trong sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Newway trong năm 2020 và kế hoạch 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trân trọng cảm ơn!

GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Học



Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG NĂM 2020

Kính thưa các Quý vị cổ đông, thưa toàn thể Đại hội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Newway liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận tải Newway đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Căn cứ hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2020;

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch năm 2021 với các nội dung như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra việc tuân thủ Luật pháp, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các Quyết định của Hội đồng Quản trị và các Quy chế của Công ty.

- Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hàng năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HDQT về kế hoạch hoạt động của Công ty, tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm, nắm bắt thông tin kịp thời để đánh giá việc thực hiện các Nghị Quyết của HDQT của Ban Giám đốc. BKS giám sát việc ban hành, triển khai và kết quả thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông với HDQT và Ban Giám đốc.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán uy tín.

- Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã không nhận được ý kiến nào của cổ đông bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các Quyết định của Ban Kiểm soát:

Trong năm qua các thành viên BKS thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau về các hoạt động của Công ty đảm bảo mục tiêu hoàn thành tốt nhiệm vụ của được giao.

- Ban Kiểm soát tham dự tất cả cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty: giao ban công tác hoạt động SXKD, Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự; Cơ chế chính sách cho người lao động: lương thưởng, BHXH, Đầu tư, thanh lý đoàn phương tiện; Kế hoạch



sản xuất kinh doanh năm...

- Ban kiểm soát đã có những ý kiến đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị cụ thể:

+ Nhất trí với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành đề ra.

+ Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

- Kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán tại Công ty:

+ Công tác hạch toán doanh thu, chi phí được thực hiện đầy đủ, chính xác cho từng loại hình hoạt động SXKD, số liệu tài chính kế toán được cập nhật hàng ngày giúp cho Ban lãnh đạo đưa ra được các quyết định đúng đắn và kịp thời.

+ Chứng từ, sổ sách kế toán được lập, lưu giữ đầy đủ và cẩn thận. Tất cả chứng từ gốc đều có đầy đủ tính pháp lý, trung thực và rõ ràng.

+ Công tác thu hồi nợ rất sát sao, không có công nợ khó đòi. Việc theo dõi công nợ chi tiết và đầy đủ theo từng mã khách, có đối chiếu thường xuyên với khách hàng.

3. Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2020: Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên gồm:

- Bà Lê Thị Thanh Nhân: Trưởng ban KS
- Bà Lê Thanh Vi: Thành viên BKS
- Ông Trần Thanh Hải: Thành viên

Trong 03 thành viên BKS có 02 thành viên kiêm nhiệm chức danh quản lý của Công ty và 01 thành viên BKS không điều hành. Trong năm 2020 đã thực hiện chi tiền thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát với tổng chi phí là 42 triệu đồng, mức chi theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020.

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Hệ thống kiểm soát tài chính và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của kiểm toán. Một số thông tin về KQKD và chỉ tiêu tài chính:

Kết quả kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	112.043	112.991	100.8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	21	1.481	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	17	1.260	
4	Khấu hao cơ bản	Tr.đồng	22.957	30.152	131.3%
5	Hiệu quả	Tr.đồng	22.978	31.633	137.6%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020. Doanh thu bao gồm doanh thu từ

hoạt động SXKD và hoạt động khác)

Tình hình tài chính

STT	Chi tiêu	Ngày 31.12.2020		Ngày 31.12.2019	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
I	Tài sản	169.056	100%	175.880	100%
1	Tài sản ngắn hạn	50.448	30%	43.266	25%
	<i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn</i>	<i>26.048</i>	<i>15%</i>	<i>23.848</i>	<i>14%</i>
2	Tài sản dài hạn	118.608	70%	132.614	75%
II	Nguồn vốn	169.056	100%	175.880	100%
1	Nợ phải trả	79.514	47%	87.281	50%
1.1	<i>Ngắn hạn</i>	<i>33.920</i>	<i>20%</i>	<i>36.667</i>	<i>42%</i>
1.2	<i>Dài hạn</i>	<i>45.594</i>	<i>27%</i>	<i>50.614</i>	<i>58%</i>
2	Vốn chủ sở hữu	89.542	53%	88.599	50%
2.1	<i>Vốn góp của CSH</i>	<i>85.000</i>	<i>50%</i>	<i>85.000</i>	<i>48%</i>
2.2	<i>Vốn khác</i>	<i>4.542</i>	<i>3%</i>	<i>3.599</i>	<i>2%</i>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/2019 (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSNH/Nợ NH)	Lần	1.18	1.49	126%
Hệ số thanh toán nhanh (=TSNH - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1.15	1.46	127%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ trên TS: Tổng nợ / tổng tài sản x 100%	%	49.63%	47.03%	95%
Hệ số nợ trên VCSH: Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	98.51%	88.80%	90%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0.87	0.64	73%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2.19%	1.15%	52.5%

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu	%	3.72%	1.48%	39.8%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1.80%	0.75%	41.7%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Qua một số chỉ tiêu tài chính của Công ty có thể thấy:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty duy trì mức >1 cho thấy Công ty có khả năng đáp ứng các nhu cầu thanh toán đối với các khoản nợ khi đến hạn.

- Hệ số nợ /tổng tài sản thực hiện 47,03% thể hiện Công ty huy động nguồn vốn vay và NV chiếm dụng ở mức phù hợp đảm bảo NV chủ sở hữu luôn chiếm ưu thế giúp Công ty tự chủ về nguồn vốn tự có trong hoạt động SXKD.

- Chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2020 của Công ty tuy chưa cao nhưng đã đánh giá sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh khó khăn do ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID đối với lĩnh vực vận tải. Vốn của các cổ đông được bảo toàn.

- Năm 2021 dự báo vẫn còn rất nhiều khó khăn bởi sự cạnh tranh gay gắt giữa các loại hình vận tải hành khách, tình hình giao thông trên địa bàn thành phố ngày càng phức tạp dẫn đến việc sắp xếp, điều chuyển, cắt giảm luồng tuyến có thể xảy ra đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19. Vì vậy, Để thực hiện mục tiêu kép, thích ứng trong tình hình dịch bệnh và tìm cơ hội phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty phải sát sao đến công tác phát triển thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời tăng cường công tác quản lý chi phí, quản lý dòng tiền, rà soát tính toán kỹ các dự án đầu tư đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả.

5. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

Dựa trên kết quả giám sát, kiểm tra, Ban Kiểm soát đưa ra những ý kiến như sau:

a. Công tác quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý có tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo nghiêm túc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo và thực hiện giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc theo dõi, nghe báo cáo và kiểm điểm tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và kế hoạch SXKD của Công ty.

- Ban hành các văn bản mang tính định hướng, chỉ đạo hoạt động của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT.

- Chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD 2020 theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ.

- Chỉ đạo việc phân chia lợi nhuận năm 2020 theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ.

HĐQT họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên HĐQT có sự thống nhất cao. Các Nghị quyết được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành. Trong năm, BKS không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

b. Công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc:

1. Công tác kinh doanh:

- Ban Giám đốc luôn chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của nhà nước liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt các quy định hiện hành liên quan đến kinh doanh vận tải.

- Ban Giám đốc luôn tuân thủ Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, Quyết định của Hội đồng Quản trị.

- Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao: SXKD tăng trưởng, chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao, bảo toàn vốn được giao.

- Chỉ đạo các phòng ban từng bước nâng cao công tác điều hành, chất lượng phục vụ khách hàng, phát triển dịch vụ để đảm bảo nguồn thu ổn định và phát triển.

- Đảm bảo thu nhập lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Cân đối tốt tài chính cho các khoản thanh toán ngắn hạn và dài hạn. Đầu tư thay thế, đổi mới phương tiện kịp thời đảm bảo nâng cao chất lượng thương hiệu Công ty.

2 Công tác kế toán:

- Ban Giám đốc đã tổ chức và quản lý thực hiện công tác kế toán: lập, ghi chép, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính một cách phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Công tác kiểm toán Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 đã được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C trong tháng 3/2021 và Báo cáo kiểm toán đã được phát hành ngày 17/3/2021

Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần: Báo cáo Tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Định hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban SXKD, các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động SXKD của Công ty, tích cực tham gia góp ý kiến vào các vấn đề được nêu trong cuộc họp.

- Kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;

Trên đây là báo cáo BKS năm 2020, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Thay mặt BKS cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của Công ty trong thời gian vừa qua, cảm ơn HĐQT và Ban giám đốc đã hỗ trợ cho BKS thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình trong suốt nhiệm kỳ.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông.

Xin chúc đại hội thành công tốt đẹp.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lê Thị Thanh Nhân

Số:...../TT- ĐHĐCD

Hà nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

(Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán và kế hoạch SXKD năm 2021)

Kính thưa Quý vị cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Newway;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

I. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, bao gồm:

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị
2. Báo cáo của Ban Giám đốc
3. Báo cáo của Ban kiểm soát

II. Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán năm tài chính 2020:

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&S Chi nhánh Hà Nội tiến hành kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway công bố công khai theo quy định. Các báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm:

Báo cáo tài chính năm 2020 của đơn vị Kiểm toán độc lập

- 2.1 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
- 2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020
- 2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020
- 2.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán Đvt: VNĐ

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2020
I. TỔNG TÀI SẢN	đồng	169 056 720 740
1. Tài sản ngắn hạn	đồng	50 448 478 042
2. Tài sản dài hạn	đồng	118 608 242 698
II. Nợ phải trả	đồng	79 514 597 097
1. Nợ ngắn hạn	đồng	33 920 157 097

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2020
2. Nợ dài hạn	đồng	45 594 440 000
III. Vốn chủ sở hữu	đồng	89 542 123 643
1. Vốn góp của chủ sở hữu	đồng	85 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	đồng	
3. Quỹ đầu tư phát triển	triệu đồng	
4. Quỹ dự phòng tài chính	triệu đồng	
5. Lãi lũy kế	triệu đồng	4 542 123 643
IV. KẾT QUẢ KINH DOANH		
1. Tổng doanh thu	triệu đồng	109 710 609 028
2. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	1 480 577 455
3. Thuế TNDN năm 2020	triệu đồng	220 720 844
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	triệu đồng	1 259 856 611

III. Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

3.1 Kế hoạch SXKD và lợi nhuận 2021:

- Kế hoạch tạm giao (theo kế hoạch Công ty xây dựng từ đầu năm)

- Doanh thu và thu nhập khác : 142,176 tr đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 2,653 trđ.
- Lợi nhuận sau thuế : 2,122 trđ.

- Kế hoạch điều chỉnh: Các chỉ tiêu kế hoạch tạm giao trên căn cứ dự báo dịch bệnh Covid 19 không tái bùng phát năm 2021. Tuy nhiên dịch bệnh covid 19 đã tái bùng phát ngay từ đầu năm và cho đến nay diễn biến rất phức tạp khó lường và khó dự báo nên để kế hoạch SXKD sát với tình hình thực tiễn và diễn biến dịch bệnh đề nghị Đại Hội đồng Cổ đông: Giao Hội Đồng Quản trị quyết định phương án điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế.

3.2 Kế hoạch đầu tư:

- ✓ Đầu tư đổi mới phương tiện vận tải hợp đồng 29 chỗ.
- ✓ Đầu tư đổi mới phương tiện vận tải hợp đồng 45 chỗ.
- ✓ Đầu tư phương tiện xe buýt cho tuyến mở mới.

Đề nghị Đại Hội cổ đông giao Hội đồng quản trị Công ty quyết định các dự án đầu tư phương tiện phục vụ vận tải hợp đồng, vận tải buýt và đầu tư phát triển sản xuất theo Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Phú

Số: 12. / TT- ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

(Thông qua việc phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2020 và dự kiến năm 2021)

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Newway

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Newway;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2020 và dự kiến năm 2021 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2020
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Đồng	1,259,856,611
2. Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối	Đồng	3,282,267,032
3. Lợi nhuận được phép phân phối năm 2020	Đồng	4,542,123,643
4. Phân phối lợi nhuận, trong đó	Đồng	2,251,000,000
4.1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN sau thuế 2020)	Đồng	126,000,000
4.2 Quỹ thưởng ban Quản lý điều hành Công ty (0% LN Sau thuế)	Đồng	
4.3 Cổ tức chi trả cổ đông năm 2020	Đồng	2,125,000,000
5. Đề nghị chia cổ tức	%	2.5%
6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	2,291,123,643

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn thời điểm phù hợp, cân đối nguồn của Công ty để thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật.



II. Chia cổ tức 2020

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 đạt **1 tỷ 260 triệu đồng**, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 1.48%. Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến hết năm 2020 là **4 tỷ 542 triệu đồng**. Tuy nhiên để có nguồn lực cho việc ổn định, bảo toàn vốn chủ sở hữu cho năm tài chính 2020 cũng như có điều kiện quan tâm đến người lao động khi thu nhập bị giảm mạnh do chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19. **Đại diện vốn đề xuất thực hiện phân phối lợi nhuận trích 10% LN sau thuế năm 2020 vào Quỹ Khen thưởng, phúc lợi Công ty và thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 là 2.5% cho cổ đông Công ty.**

III. Đề xuất năm 2021:

Trên cơ sở Kế hoạch SXKD trên của Công ty CP vận tải Newway đã được TCT thông qua và giao kế hoạch năm 2021; Hội đồng Quản trị dự kiến kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 của Công ty đạt 2 tỷ 122 triệu đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 2.5 %.

Căn cứ vào cáo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid19. Do vậy, việc chia cổ tức 2021 sẽ được căn cứ kết quả SXKD thực tế 2021 và do Đại hội cổ đông thường niên 2022 quyết định.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Phú

Nơi nhận:

- Cổ đông
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

Số: 2.13. / TT- ĐHĐCĐ

Hà nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Kính thưa Quý vị cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Newway;

Để đảm bảo cho hoạt động của HĐQT và BKS trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, căn cứ vào Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Vận tải Newway năm 2021 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2020 và xin đề xuất tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2021 như sau:

*** Tổng mức thù lao:**

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao năm 2020	Đề xuất thù lao năm 2021
Hội đồng Quản trị	126.000.000	126.000.000
Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

*** Ngân sách hoạt động:**

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.



Ngô Xuân Phú

Số: 01/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

V/v: Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính thưa Quý vị cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Newway;

Hội đồng Quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

Kết thúc năm tài chính 2020, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội đã được thuê để tiến hành kiểm toán kết quả hoạt động SXKD của công ty năm 2020, được Công ty kiểm tra đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ.

Qua quá trình tìm hiểu và xem xét năng lực của các công ty kiểm toán độc lập đã được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021. Để đảm bảo cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ.

Hội đồng Quản trị giới thiệu và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội thực hiện kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Xuân Phú

Số: 206/TTr-DHDCĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP vận tải Newway;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Ngày 17/06/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Cùng với Luật Chứng khoán 2019 cũng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo nên khung hành lang pháp lý chặt chẽ hơn, có nhiều điểm mới về khuôn khổ quản trị công ty, đặc biệt là đối với công ty đại chúng.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ này cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động được trình bày tại các Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Phú

Số: 20-1/TT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP vận tải Newway;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

Trên cơ sở sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều lệ sửa đổi và quy định pháp luật hiện hành. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Phú

Số: 208/TTTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VỀ VIỆC THÔNG QUA Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Newway;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị công ty như sau:

Theo quy định tại Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định Hội đồng quản trị có trách nhiệm: “Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty”.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Nội dung toàn văn dự thảo quy chế này công bố tại website theo địa chỉ: <https://www.newwayjsc.com.vn/>

Các quy định của Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Phú



Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Newway;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty như sau:

Theo quy định tại Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định Ban Kiểm soát có trách nhiệm: “Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua”.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Ban Kiểm soát đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và công bố toàn văn quy chế này tại website theo địa chỉ: <https://www.newwayjsc.com.vn/>

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua..

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Thanh Nhân

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị (“HDQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và đề nghị bầu bổ sung thành viên HDQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần vận tải Newway;
- Căn cứ vào Công văn số 292/TCNS-TCT về việc điều chỉnh cán bộ quản lý vốn tại Công ty cổ phần vận tải Newway;
- Căn cứ đơn từ nhiệm của ông Ngô Xuân Phú
- Căn cứ vào đơn từ nhiệm của ông Trần Thanh Hải;

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội thông qua các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm:

- Miễn nhiệm ông Ngô Xuân Phú – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Miễn nhiệm ông Trần Thanh Hải – Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần vận tải Newway nhiệm kỳ 2020 – 2025.

2. Bầu bổ sung Hội đồng Quản trị:

Hiện nay Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020- 2025 gồm:

- | | |
|----------------------|------------|
| 1. Phạm Đức Học | Thành viên |
| 2. Nguyễn Mạnh Cường | Thành viên |
| 3. Lê Quỳnh Trang | Thành viên |
| 4. Nguyễn Thị Thu Hà | Thành viên |

Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 thay thế ông Ngô Xuân Phú.

Hiện nay đã có 01 ứng viên Hội Đồng Quản trị là ông Nguyễn Thủy. Thông tin về ứng viên đã được gửi đến các cổ đông trong sơ yếu lý lịch được đăng tải trên trang web <https://newwayjsc.com.vn..> Đề nghị cổ đông đề cử thêm ứng viên Hội đồng



Quản trị. Sau khi chốt danh sách ứng viên, Đại hội sẽ tiến hành thủ tục bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ Công ty.

3. Bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Hiện nay Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 5. Lê Thị Thanh Nhân | Trưởng Ban kiểm soát |
| 6. Lê Thanh Vi | Thành viên |

Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 thay thế ông Trần Thanh Hải.

Hiện nay đã có 01 ứng viên Ban Kiểm soát là ông Nguyễn Duy Cường. Thông tin về ứng viên đã được gửi đến các cổ đông trong sơ yếu lý lịch được đăng tải trên trang web <https://newwayjsc.com.vn>. Đề nghị cổ đông đề cử thêm ứng viên Ban kiểm soát. Sau khi chốt danh sách ứng viên, Đại hội sẽ tiến hành thủ tục bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát theo quy định Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội thông qua.

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.



Ngô Xuân Phú





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP SỐ 59/2020/QH14

(Ban hành theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần vận tải Newway ngày 06/05/2021)

Hà Nội, tháng 05 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	4
Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ.....	5
Điều 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN.....	6
Điều 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	7
Điều 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	8
Điều 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG	8
Điều 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY ...	9
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG	9
Điều 8. VỐN ĐIỀU LỆ.....	9
Điều 9. QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY	9
Điều 10. CÁC LOẠI CỔ PHẦN.....	10
Điều 11. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 12. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC	10
Điều 13. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	11
Điều 14. THỪA KẾ CỔ PHẦN.....	12
Điều 15. THU HỒI CỔ PHẦN.....	12
Điều 16. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	13
Điều 17. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU	13
Điều 18. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 19. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY.....	14
Điều 20. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI....	14
Điều 21. TRẢ CỔ TỨC	15
Điều 22. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC.....	15
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	15
Điều 23. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	15
Mục 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 24. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	16
Điều 25. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	18
Điều 26. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	19
Điều 27. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
Điều 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..	24
Điều 29. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	24
Điều 30. MỜI HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25
Điều 31. QUYỀN DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25
Điều 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	26

Điều 33. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	27
Điều 34. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	28
Điều 35. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	30
Điều 36. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	31
Điều 37. YÊU CẦU HUY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	32
Điều 38. HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	33
Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY	33
Điều 39. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
Điều 40. NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 41. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 42. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 43. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
Điều 44. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	37
Điều 45. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	39
Điều 46. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	40
Điều 47. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	40
Điều 48. GIÁM ĐỐC CÔNG TY	41
Điều 49. TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC	43
Mục 3. BAN KIỂM SOÁT	43
Điều 50. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT	43
Điều 51. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 52. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 53. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT	46
Điều 54. TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	46
Điều 55. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	47
Điều 56. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT	47
Điều 57. MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT	47
CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	48
Điều 58. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN	48
Điều 59. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	49



Điều 60. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN.....	50
CHƯƠNG V. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG.....	51
Điều 61. LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG.....	51
Điều 62. TIỀN LƯƠNG.....	51
Điều 63. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	51
CHƯƠNG VI. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	52
.....
Điều 64. NĂM TÀI CHÍNH.....	52
Điều 65. QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH.....	52
Điều 66. HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	52
Điều 67. KIỂM TOÁN.....	52
Điều 68. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	53
Điều 69. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN (CỔ TỨC).....	53
Điều 70. XỬ LÝ KINH DOANH KHI THUA LỖ.....	53
CHƯƠNG VII. GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN.....	53
Điều 71. GIẢI THỂ.....	53
Điều 72. THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ.....	54
Điều 73. PHÁ SẢN.....	54
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC.....	54
Điều 74. CON DẤU.....	54
Điều 75. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT.....	54
Điều 76. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY.....	55
Điều 77. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	55
Điều 78. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	56
Điều 79. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	56

Các căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/12/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Nhà nước đối với Doanh nghiệp Nhà nước vốn đầu tư vào Doanh Nghiệp;
- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính Phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và doanh nghiệp có vốn nhà nước.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán .
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 06 tháng 5 năm 2021.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Newway.

CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ Công ty có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a) *Công ty*: Là Công ty Cổ phần Vận tải Newway.
- b) *Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*: Là Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Newway
- c) *Vốn điều lệ*: Là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này.
- d) *Luật Doanh nghiệp*: Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- đ) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- e) *Pháp luật*: Là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng).
- f) *Cổ đông*: Là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty.
- g) *Người điều hành của Công ty*: Là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- h) *Người quản lý của Công ty*: Là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- i) *Người có liên quan*: Là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- j) *Các đơn vị trực thuộc Công ty*: Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp.
- k) *Người có quan hệ gia đình bao gồm*: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

Điều 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên gọi

- Tên gọi tiếng Việt đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY.**
- Tên gọi tiếng nước ngoài - Tiếng Anh: **NEWWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên gọi tắt: **NWT JSC**
- Hình ảnh nhận diện thương hiệu: sử dụng 2 hình ảnh thương hiệu:



- Địa chỉ trụ sở chính: Khu đất Kim Ngưu II tại Phường Hoàng Văn Thụ - Quận Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3.565.4898
- Fax: (024) 3.565.1997
- Email: info@newwayjsc.com.vn
- Website: newwayjsc.com.vn

2. Phạm vi hoạt động

Công ty Cổ phần Vận tải Newway hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam và có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

Điều 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

1. Hình thức tổ chức

Công ty Cổ phần Vận tải Newway được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải du lịch Hà Nội – Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội.

Sau khi thực hiện việc cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Vận tải Newway thuộc hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty có vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.

Công ty có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của pháp luật.

2. Tư cách pháp nhân

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Mục tiêu hoạt động

- a) Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động.
- b) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- c) Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải bằng xe buýt;	4920
2	Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);	4931
3	Vận tải hành khách đường bộ khác;	4932
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;	5229
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;	4520
6	Quảng cáo (Không bao gồm quản cáo thuốc lá);	7310
7	4513: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : - Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới ô tô con 12 chỗ ngồi trở xuống (không kể người lái), loại mới và loại đã qua sử dụng; - Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.	4513
8	4530: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động	4530

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	cơ khác - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) - Hoạt động của các đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác.	
9	4541: Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
10	Cho thuê xe có động cơ	7710
11	Đại lý du lịch;	7911
12	Điều hành tua du lịch;	7912
13	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;	7920
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
15	Các ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm	

Việc tạm ngừng, rút hoặc mở rộng các ngành nghề kinh doanh được Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội cổ đông quyết định, thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 (một) người và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của

Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

Điều 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 8. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 85.000.000.000 VNĐ, tương đương với 8.500.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần, trong đó:

STT	Danh mục cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	94,31%	8.016.000	80.161.000.000
2	Cổ phần sở hữu của các cổ đông khác	5,69%	484.000	4.840.000.000
	Cộng	100,00%	8.500.000	85.000.000.000

2. Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông trái quy định.

3. Điều chỉnh vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) căn cứ theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY

1. UBND Thành phố Hà Nội chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty.

2. Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - Đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Người đại diện chủ sở hữu quản lý vốn Nhà nước tại Công ty phải được ghi rõ tỷ lệ % và giá trị phần vốn Nhà nước tham gia quản lý.

Điều 10. CÁC LOẠI CỔ PHẦN

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

Điều 11. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty (bộ phận Quản lý Nhân sự) hoặc hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu trữ sổ cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc các tổ chức khác.

3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời để công ty cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 12. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu sẽ không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty và cổ đông sở hữu cổ phần.

4. Trường hợp chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị được cấp lại phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy.

b) Chịu trách nhiệm từ những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 13. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Các loại cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ những trường hợp Điều lệ Công ty và pháp luật quy định khác. Cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp cổ phiếu không còn giao dịch/niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán việc chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định do Công ty ban hành.

2. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty. Việc chuyển nhượng các cổ phần nêu trên tuân theo các trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phần, cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần không qua hệ thống giao dịch chứng khoán hoặc các giao dịch không mang tính chất mua bán, sau khi có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

4. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

5. Những cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ (nếu có) sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Công ty.

Điều 14. THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho cơ quan có chức năng đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện khi đã hoàn thành đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông.

3. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản kế thừa là cổ phần, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc kế thừa hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 15. THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cho vay công bố cao nhất của các Ngân hàng tại Việt nam cho kỳ hạn 01 (một) năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo

Điều 16. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Hình thức phát hành và chào bán tuân theo quy định tại Luật Chứng khoán và các nghị định hướng dẫn thi hành Luật này.

2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 17. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần (theo giá thị trường từng thời điểm).

Điều 18. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được

về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 19. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán.

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty.

Điều 20. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 21. TRẢ CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

Cổ tức được chi trả bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, séc hoặc lệnh trả tiền đến địa chỉ nhận cổ tức do cổ đông đăng ký với Công ty.

2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

Điều 22. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 21 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 23. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc, các Phó giám đốc.
5. Kế toán trưởng.

6. Các phòng, ban nghiệp vụ.

7. Các đơn vị trực thuộc.

Mục 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền, hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:



a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Các yêu cầu khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 25. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có quyền và lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



Điều 26. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

e) Quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán và quyết định mức cổ tức hàng năm.

f) Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;

h) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán.

i) Quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm và việc niêm yết Cổ phiếu lên Sàn Giao dịch chứng khoán theo quy định.

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban Kiểm soát.

k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty (nếu có).

l) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.

m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể, thanh lý Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

r. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.

s. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

t. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng Quản trị có thẩm quyền phê duyệt.

u. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện

giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

v. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

w. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông tổ chức

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

e) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Điều 27. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm; Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này.

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Đại hội cổ đông gây ra.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Ban kiểm soát gây ra.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này đã có yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành Đại hội.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;

h) Cung cấp thông tin và phương thức hợp lý để cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử (nếu có) trong trường hợp Công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến.

i) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4; 5; 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 11 Điều lệ này. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại và các thông tin khác theo quy định.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra và yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc được quy định tại khoản 7 Điều 27 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.
- c) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ tỷ lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 30. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử thì các tài liệu gửi kèm thông báo mời họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty thay thế cho việc gửi cho các cổ đông. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 31. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là cá nhân có đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định của pháp luật thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được pháp luật cho phép

Điều 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai

mười) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này.

Điều 33. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết và/ hoặc phiếu biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một số người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất hoặc Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số nhưng người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo sự giới thiệu của chủ tọa.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán

thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp. Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.

Điều 34. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại; giải thể công ty; đầu tư các dự án hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hoặc Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

3. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham gia đại diện 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ quy định tại khoản 2b Điều này thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

5. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định họp Đại hội cổ đông.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi quyết định đến cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin

điện tử của công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 35. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng cổ đông chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

-
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24h.

7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 37. YÊU CẦU HUỖY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ này

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 38. HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.

2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện như đúng quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 37 của Điều lệ này, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 39. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 40. NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng, thành viên Hội đồng quản trị.

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm 05 (năm) người, trong đó 01 (một) Chủ tịch và 04 (bốn) thành viên;

b) Nhiệm kỳ của của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 5 (năm) năm;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 41. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

4. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

5. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty đại chúng khác.

6. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 42. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

-
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định chào bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần từng loại đã bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng;
- f) Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản có giá trị trên mức phân cấp cho Giám đốc quyết định đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị trên mức phân cấp cho Giám đốc quyết định đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 60 của Điều lệ này;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ và tương đương; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- p) Các quyền và nghĩa vụ khác: Hiệu chỉnh thông tin trong Điều lệ công ty phù hợp với thực tế hoạt động; quyết định mở rộng lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh...
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.
-

3. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu và được biết các báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty, của các đơn vị trong Công ty từ các cá nhân có liên quan (gồm Ban Giám đốc Công ty và người quản lý của Công ty) theo chế độ báo cáo định kỳ thường xuyên tháng.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 43. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường

hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn khả năng làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 44. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một số người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có);

b) Theo đề nghị của Giám đốc; hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác;

c) Theo đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ đã đăng ký với Công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Phiếu biểu quyết tại điểm d khoản 9 Điều này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 45. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần thiết), có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 46. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này;
 - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
 - d) Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...;
 - e) Công ty bị phá sản, giải thể;
 - f) Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.
 - g) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

-
- d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 48. GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê người làm Giám đốc Công ty.
2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 (ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện Giám đốc

a) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

b) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;

d) Các quy định khác theo qui định của Pháp luật.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ và tuân thủ pháp luật;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản có giá trị đến 3% (Ba phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty sau khi đã báo cáo Hội đồng quản trị thông qua chủ trương hoặc một giá trị khác cao hơn theo phân cấp của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định hợp đồng mua, bán và hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty có giá trị đến 2% (Hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua đối với các hợp đồng mua, bán và hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty có giá trị từ trên 2% đến 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc một giá trị khác cao hơn theo phân cấp của Hội đồng quản trị, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 51 của Điều lệ này;

f) Quyết định các hợp đồng vay trong phạm vi tổng dư nợ vay của Công ty không vượt quá 3% (Ba phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc một giá trị khác cao hơn theo phân cấp của Hội đồng quản trị;

g) Ký kết các hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ xe buýt với các cơ quan quản lý Nhà nước sau khi đã báo cáo Hội đồng quản trị thông qua chủ trương;

h) Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động; Khen thưởng, kỷ luật và quyết định các mức lương, lợi ích khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ và tương đương;

i) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

k) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

l) Tuyển dụng lao động;

m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

n) Được ủy quyền cho Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt mình để giải quyết một số công việc của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ và phân cấp nội bộ Công ty.

o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc hợp đồng lao động ký với Công ty (nếu có) và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 49. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo nhiệm vụ đảm nhận, số ngày công làm việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng và các chi phí khác phục vụ cho công tác quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương, các chi phí khác của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên.

a) Nhiệm kỳ của kiểm soát viên là không quá 05 (năm) năm;

b) Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

c) Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội Đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín.

2. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong trường hợp tất cả các kiểm soát viên cùng kết thúc một nhiệm kỳ thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Điều 51. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban Kiểm soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

a) Đủ từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

c) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên;

d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

3. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

Điều 52. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Ngoài ra Ban kiểm soát còn có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 54. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá chi phí hoạt

động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 55. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 56. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Điều 57. MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 52 và Điều 55 Điều lệ này;

e) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát thay thế.

CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 58. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc kê khai quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh

nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

Công ty phải tạo điều kiện để cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

Điều 59. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty;

c) Người quản lý Công ty phải trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

đ) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này.

2. Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 60. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát,

Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 61. LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể không trái với quy định của Pháp luật hiện hành và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với người lao động.

Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Quy định của công ty không trái với quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 62. TIỀN LƯƠNG

Tiền lương, các khoản phụ cấp lương và tiền thưởng đối với người lao động được trả theo hợp đồng lao động trên cơ sở năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 63. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Quyền lợi: Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty.

Người lao động được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật lao động.

CHƯƠNG VI. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 64. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 65. QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 tháng (bốn tháng) đầu của năm tài chính tiếp theo, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

2. Thực hiện việc lập và nộp báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 66. HỆ THỐNG KẾ TOÁN

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 67. KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 68. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty.

1. Lợi nhuận ròng được phân bổ và sử dụng, như sau:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp vào các quỹ sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hằng năm của Công ty.

Điều 69. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN (CỔ TỨC)

1. Trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công ty và thực hiện việc quyết toán, báo cáo việc chi trả cổ tức tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3. Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

Điều 70. XỬ LÝ KINH DOANH KHI THUA LỖ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII. GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 71. GIẢI THỂ

1. Công ty Cổ phần Vận tải Newway giải thể trong các trường hợp sau:

a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Công ty Cổ phần Vận tải Newway chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

Điều 72. THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ

1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể:

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc mà Công ty còn nợ người lao động;

b) Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành;

c) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp;

d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không thể chấp;

e) Phần còn lại chia các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông.

Điều 73. PHÁ SẢN

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 74. CON DẤU

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Mã số doanh nghiệp;

3. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

4. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 75. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 76. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các báo cáo đánh giá, giám sát, các báo cáo của đại diện vốn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 77. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Công ty Cổ phần Vận tải Newway có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi tham gia giải quyết các tranh chấp, tham gia tố tụng.

2. Các thành viên trong Công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến tòa án các cấp xét xử theo luật định.

3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

4. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

5. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Điều 78. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết và thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 79. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

1. Bản Điều lệ này gồm 8 (tám) Chương, 79 (bảy mươi chín) Điều được lập thành 16 (mười sáu) bản có giá trị như nhau và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Vận tải Newway thông qua ngày 06 tháng 05 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực của Điều lệ này.

a) 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) 12 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền;

c) 03 bản lưu trong hồ sơ tại Công ty.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2021





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

(Ban hành theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần vận tải Newway ngày 06/05/2021)

Hà Nội, tháng 05 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	5
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	6
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	8
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	8
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	8
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	9
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	9
Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	10
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	11
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	11
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	11

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Newway;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vận tải Newway;
- Căn cứ Nghị quyết số 228/NQ-NWT ngày 06/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Newway;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên trong đó có 01 (một) Chủ tịch và 04 (bốn) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của công ty. Cụ thể như sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại không quá năm (05) công ty khác;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại Điều 21 của Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 8. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 21 của Quy chế quản trị nội bộ công ty, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - c. Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
2. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 60 của Điều lệ Công ty.
Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó;

đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị trên mức phân cấp cho Giám đốc quyết định đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 60 của Điều lệ Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 44 Điều lệ công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Ngoài ra việc báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại khoản 5 Điều 5 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 49 Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Điều 42 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát được quy định tại Điều 41 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này này gồm 7 chương 23 điều được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway nhất trí thông qua ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Bản Quy chế này được lập thành hai bản có giá trị như nhau và lưu tại trụ sở chính của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật (hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

(Ban hành theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần vận tải Newway ngày 06/05/2021)

Hà Nội, tháng 05 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ công ty	3
Điều 3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	3
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	4
Điều 5. Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông	6
Điều 7. Trình tự triệu tập ĐHĐCĐ	6
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ	7
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ	7
Điều 10. Cách thức bỏ phiếu	8
Điều 11. Cách thức kiểm phiếu	8
Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu	8
Điều 13. Phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	8
Điều 14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản	9
Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ	9
Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10
CHƯƠNG III. HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT	11
Mục 1. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT	11
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	11
Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	11
Điều 20. Cách thức bầu thành viên HĐQT	11
Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	12
Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	12
Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	12
Mục 2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HĐQT	12
Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp	12
Điều 25. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT	13
Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT	13
Điều 27. Biên bản họp HĐQT	14
Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT	14
CHƯƠNG IV. BKS VÀ THÀNH VIÊN BKS	14
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên BKS	14
Điều 30. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên BKS của cổ đông, nhóm cổ đông ..	14
Điều 31. Cách thức bầu Thành viên BKS	14
Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS	15
Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS	15
Điều 34. Cuộc họp của BKS	15
CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	15
Điều 35. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người quản lý công ty	15

Điều 36. Việc bổ nhiệm người quản lý công ty	16
Điều 37. Ký hợp đồng lao động với người quản lý công ty	16
Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty.....	16
Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty	16
CHƯƠNG VI. THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC.....	17
Điều 40. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động.....	17
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS	17
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Giám đốc	17
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa BKS với Giám đốc.....	18
Điều 44. Các trường hợp Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	18
CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	19
Điều 45. Đánh giá hoạt động	19
Điều 46. Khen thưởng.....	19
Điều 47. Kỷ luật	19
CHƯƠNG VIII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
Điều 48. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.....	20
Điều 49. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người phụ trách quản trị Công ty.....	20
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	20
Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	20
CHƯƠNG IX. CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	20
Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	20
CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty.....	21
Điều 54. Hiệu lực.....	21

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 228/NQ-NWT ngày 06/05/2021)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Newway.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thẩm quyền, nghĩa vụ và phương thức hoạt động của người quản lý Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ công ty

1. Tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật.
2. Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội.
3. Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Minh bạch trong hoạt động của Công ty.
5. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quản lý và kiểm soát công ty hiệu quả.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ
4. Công ty là Công ty Cổ phần Vận tải Newway.

5. HĐQT là Hội đồng quản trị.
6. ĐHĐCĐ là Đại hội đồng cổ đông.
7. BKS là Ban kiểm soát.
8. Đại biểu là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
9. Người phụ trách quản trị công ty là người được quy định tại Điều 47 của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, HĐQT, BKS, Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.

HQĐT hoặc người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội cổ đông thường niên

a) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

b) Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

c) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

d) Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

3. Đại hội cổ đông bất thường:

HDQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HDQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên HDQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số thành viên HDQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Theo yêu cầu của BKS trong trường hợp BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HDQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HDQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Điều lệ Công ty.

Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại khoản 6 Điều 31 của Điều lệ Công ty.

5. Báo cáo hoạt động của HDQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội (nếu có);

b) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c) Tổng kết các cuộc họp của HDQT và các quyết định của HDQT;

d) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có)

f) Kết quả giám sát đối với Giám đốc;

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

h) Các kế hoạch trong tương lai.

6. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.;

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

d) Kết quả giám sát và đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác;

e) Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;

f) Báo cáo kết quả thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

g) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông phải được gửi tới cơ quan chức năng có liên quan, đảm bảo ngày chốt danh sách được các tổ chức đó thông báo đúng với thông tin đã được Công ty công bố.

Điều 7. Trình tự triệu tập ĐHĐCĐ

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Điều lệ Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

2. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc được quy định tại khoản 7 Điều 27 của Điều lệ Công ty;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Điều lệ Công ty.

c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị liên quan đến điểm b khoản này theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ Công ty.

3. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ

a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ;

Các tài liệu bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT,

Kiểm soát viên;

- Phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện);
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (nếu có);
- e) Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Tùy vào điều kiện cụ thể tại thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ mà Công ty áp dụng các hình thức đăng ký, tham dự và biểu quyết phù hợp. Mọi cách thức áp dụng đều phải được hướng dẫn cụ thể tại Thông báo mời họp để cổ đông lựa chọn và thuận tiện trong việc áp dụng.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu.

Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là đại biểu) thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của đại biểu đó.

3. Đại biểu đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực

tuyên để thực hiện đăng ký tham dự họp. Điều kiện để xác định cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến tuân theo quy định tại Quy chế tổ chức của mỗi đại hội và được nêu rõ trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết/ giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Điều 20, Điều 31 Quy chế này và Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

4. Ngoài phương thức bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông (hình thức hội nghị trực tiếp), Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

– Cổ đông tiến hành đăng ký cổ đông trên hệ thống trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo thông tin đăng nhập Công ty cung cấp. Khi cổ đông tiến hành biểu quyết trực tuyến, số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống trực tuyến này.

– Nếu có phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không biểu quyết đối với những nội dung này.

– Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, và hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu thẻ/phiếu, ghi nhận số thẻ/phiếu thu về so với phát ra và kết quả biểu quyết/bầu cử của từng vấn đề trong Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê

3. Đối với đại biểu bỏ phiếu điện tử, hệ thống trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tự động cập nhật và ghi nhận kết quả cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử theo quy định.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản

Biên bản họp (hoặc Biên bản kiểm phiếu) và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Đồng thời Công ty phải công bố thông tin 24 giờ tới cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán).

Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ

HDQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

1. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Các bước lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:

a) Chuẩn bị Tài liệu:

HDQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT;

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến bằng văn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này

c) Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 7 Quy chế này

d) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông.

HDQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

e) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

– Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

– Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

– Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

f) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

– Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
– Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
– Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

– Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

– Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

– Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. HDQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau:

- Bầu bổ sung hoặc bầu tạm thời nhân sự vào vị trí thành viên HDQT, BKS khi số thành viên HDQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- Xin ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, thành viên HDQT, thành viên BKS, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT

Mục 1. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÁI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.

Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên

HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT. Việc họp nhóm này phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc ĐHĐCĐ.

Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 23 của Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Trong trường hợp số ứng viên lớn hơn số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phiếu bầu cử do Ban tổ chức ĐHĐCĐ chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Công ty.

Cổ đông/người được ủy quyền nhận phiếu bầu cử, ghi số phiếu bầu cho ứng viên mình lựa chọn. Phiếu bầu hợp lệ là không bị tẩy xóa, gạch sửa, không viết thêm nội dung vào phiếu bầu hoặc bầu nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua thực hiện theo Khoản 2 Điều 34 của Điều lệ Công ty.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán) theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHCĐ gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

a) Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này.

b) Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.

c) Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty.

Mục 2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HĐQT

Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Thành viên BKS ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo họp HĐQT phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên BKS, Giám đốc như đối với các thành viên HĐQT. Thành viên BKS, Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Thành viên BKS được đăng ký tại Công ty.

Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

Thành viên HĐQT có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập.

4. Các hình thức họp khác

a) Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

b) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT

1. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp dự họp với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại khoản 4 điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 60 của Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

6. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

7. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 27. Biên bản họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG IV. BKS VÀ THÀNH VIÊN BKS

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên BKS

1. Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 30. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên BKS của cổ đông, nhóm cổ đông.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến 100% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế tương tự việc đề cử thành viên HĐQT. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Cách thức bầu Thành viên BKS

Trong trường hợp số ứng viên lớn hơn số Thành viên BKS cần bầu thì việc bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Thành viên BKS cần bầu thì việc bầu BKS phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua thực hiện theo Khoản 2 Điều 34 của Điều lệ Công ty.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS

Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 57 của Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS.

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán) theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của BKS

1. BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên BKS.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên BKS quan tâm.

CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 35. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người quản lý công ty

1. Tiêu chuẩn của người quản lý công ty

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

c) Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;

d) Có năng lực quản trị;

Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ Giám đốc) sẽ do Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc/Phó Giám đốc

Giám đốc/Phó Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

a) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;

c) Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc do HĐQT quyết định.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

a) Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán;

b) Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 36. Việc bổ nhiệm người quản lý công ty

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Việc bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp (trừ Giám đốc) gồm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và người quản lý khác do HĐQT phê chuẩn theo đề nghị của Giám đốc.

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 37. Ký hợp đồng lao động với người quản lý công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Giám đốc của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động với Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật hợp đồng lao động và các thoả thuận không trái với quy định của pháp luật.

Giám đốc thực hiện ký hợp đồng lao động với người quản lý khác sau khi được sự chấp thuận của HĐQT.

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty

1. Đối với chức vụ Giám đốc:

HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Đối với chức vụ người quản lý công ty khác: việc miễn nhiệm, bãi nhiệm do HĐQT quyết định theo đề xuất của Giám đốc

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán) theo trình tự và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI. THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 40. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

3. Các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng được ĐHCĐ thông qua.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS

1. Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo Trưởng BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT. Chương trình, nội dung các cuộc họp này phải được gửi đến Trưởng BKS cùng thời điểm gửi đến thành viên HĐQT.

2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, BKS có quyền yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Khi BKS đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

4. Khi BKS kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty, HĐQT có trách nhiệm phản hồi trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc.

5. HĐQT phải đảm bảo tất cả các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho thành viên HĐQT phải được cung cấp cho thành viên BKS cùng thời điểm.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Giám đốc

1. Phối hợp trong việc triển khai công việc

a) HĐQT khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty để phục vụ công tác của HĐQT. Đối với công tác tổ chức ĐHCĐ, HĐQT thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước ngày ĐHCĐ.

b) Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tọa cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thành viên Ban Giám đốc và/hoặc người quản lý khác phụ trách các mảng công việc có liên quan dự họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).

c) Tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất hoặc các cuộc họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Giám đốc chủ trì, Chủ tọa cuộc họp căn cứ vào nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch HĐQT và/hoặc thành viên HĐQT dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp được lập thành biên bản và gửi cho Chủ tịch HĐQT một bản để báo cáo.

d) Đối với các vấn đề mà HĐQT phê duyệt theo Tờ trình của Giám đốc, HĐQT phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên cùng thỏa thuận.

e) Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ cho HĐQT (quý/06 tháng/năm) và cho ĐHCĐ thường niên hoặc khi được yêu cầu.

f) Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Giám đốc

chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

g) Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận thấy quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý hoặc Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho HĐQT để trực tiếp theo dõi và có biện pháp xử lý.

2. Phối hợp khác

Chủ tịch HĐQT và Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, các hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Công ty. Việc tham gia các khóa học, khảo sát, hội thảo của thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa BKS với Giám đốc

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng BKS hoặc Thành viên BKS tham dự các cuộc họp của Ban Giám đốc và các cuộc họp khác do Giám đốc chủ trì. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một (01) bản cho BKS.

2. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng BKS và các thành viên BKS được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho BKS để trực tiếp theo dõi.

Điều 44. Các trường hợp Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Yêu cầu triệu tập họp HĐQT

Trường hợp Giám đốc (hoặc thành viên BKS) phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, BKS (hoặc Giám đốc) và người quản lý khác, Giám đốc (hoặc BKS) phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ yêu cầu triệu tập họp HĐQT, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Giám đốc và BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT khi nhận thấy có sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất của Công ty.

2. Giám đốc có thể xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình tại khoản 4 Điều 48 Điều lệ Công ty.

3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 45. Đánh giá hoạt động

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT và thành viên Ban Giám đốc.

3. BKS đánh giá hoạt động của Thành viên BKS được tổ chức thực hiện theo phương thức tự đánh giá.

4. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác do Giám đốc thực hiện hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

5. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển của đơn vị.

b) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy lao động, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.

c) Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, trình bày.

d) Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng đào tạo nhân viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

e) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.

f) Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài đơn vị, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.

g) Mức độ tín nhiệm của nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.

Điều 46. Khen thưởng

1. HĐQT phối hợp cùng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng quy chế khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 45 của Quy chế này.

2. Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và người quản lý khác được đánh giá có thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 47. Kỷ luật

1. HĐQT/Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, BKS, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 48. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

HDQT có thể bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp

Điều 49. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người phụ trách quản trị Công ty

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
2. Phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Có năng lực quản trị;
4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

HDQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị Công ty mới thay thế.

1. Người phụ trách quản trị Công ty có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - b) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - b) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan nhà nước quản lý (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán), trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX. CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.
2. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT soạn thảo, xây dựng và trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, biểu quyết và thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 54. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 54 điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Vận tải Newway thông qua ngày 06 tháng 05 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên

Công ty Cổ phần vận tải Newway ngày 06/05/2021)

Hà Nội, tháng 05 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	6
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	10
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	11
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	13
Điều 22. Sửa đổi, bổ sung.....	13
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	13

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Newway;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vận tải Newway;
- Căn cứ Nghị quyết số 228/NQ-NWT ngày 06/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Newway

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức chuẩn nhân sự, tiêu, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên, cơ chế hoạt động, giám sát của Ban Kiểm soát và mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của mình.

CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
4. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - đ. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
 - f. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến 100% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có).

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và tuân theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 31 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Quy chế này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát để bầu Kiểm soát viên, công ty phải công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty, báo cáo và công bố thông tin tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định được thông qua.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo đề nghị của cổ đông.
14. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp cần thiết.

15. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

17. Xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

18. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

19. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

20. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

23. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

24. Chứng kiến, giám sát Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

25. Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

c) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Kiểm soát viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các Kiểm soát viên khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng Kiểm soát viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Kiểm soát viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất Kiểm soát viên, hoặc là địa điểm có mặt Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.
2. Người họp và phải chịu trách nhiệm về ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Các báo cáo của Ban kiểm soát tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa

công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;

e) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

4. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

2. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.
2. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.
3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.
5. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
6. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII chương, 23 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Newway thống nhất thông qua ngày 06 tháng 05 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên của Công ty cổ phần Vận tải Newway chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lê Thị Thanh Nhân